

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT AKTIPLAST T



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/09/20 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000012131 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

1. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM VÀ CÔNG TY

Tên sản phẩm : AKTIPLAST T

Mã sản phẩm : 56127848

Nhà sản xuất / Nhà cung cấp thông tin chi tiết

Nhà cung cấp : LANXESS Deutschland GmbH
Production, Technology,
Safety & Environment
51369 Leverkusen, Germany

Điện thoại : +4922188852288

Địa chỉ email của người chịu trách nhiệm cho SDS : infosds@lanxess.com

Điện thoại khẩn cấp : +492143099300

Khuyến nghị và hạn chế khi sử dụng

Cách sử dụng đề xuất : processing promoter

2. THÀNH PHẦN/ THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH PHẦN

Chất Gây/Hỗn hợp : Hỗn hợp

Thành phần nguy hiểm

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Rapeseed oil fatty acids, zinc salt	68440-18-6	≥ 70 - ≤ 100
2,6-di-tert-butyl-p-cresol	128-37-0	≥ 0.1 - < 0.25

3. THÔNG TIN VỀ SỰ NGUY HẠI

Phân loại theo GHS

Độc tính cấp tính (Da) : Nhóm 5

Thành phần nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ : Không có gì

Lời cảnh báo : Cảnh báo

Cảnh báo nguy hiểm : H313 Có thể có hại khi tiếp xúc với da.

Các lưu ý phòng ngừa : **Biện pháp ứng phó:**
P312 Gọi đến TRUNG TÂM KIỂM SOÁT CHẤT ĐỘC/ bác sỹ nếu cảm thấy không khỏe.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT AKTIPLAST T



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/09/20 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000012131 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

Các nguy cơ khác không có trong GHS

Được biết là chưa xảy ra.

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- Lời khuyên chung : Không được để nạn nhân một mình.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp : Nếu bất tỉnh, đặt ở tư thế phục hồi và tìm kiếm sự giúp đỡ y tế.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da : Liên hệ với bác sĩ nếu hiện tượng kích ứng da kéo dài.
Nếu ở trên da, rửa sạch bằng nước.
Nếu ở quần áo, cởi bỏ quần áo.
- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt : Rửa mắt bằng nước để phòng ngừa.
Gỡ bỏ kính áp tròng.
Bảo vệ con mắt không bị tổn thương.
Mở rộng mắt khi rửa.
Liên hệ với chuyên gia nếu hiện tượng kích ứng ở mắt kéo dài.
- Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa : Giữ sạch đường hô hấp.
Không cho uống sữa hoặc các đồ uống có cồn.
Không đưa bất cứ cái gì vào miệng nạn nhân bị bất tỉnh.
Nếu các triệu chứng vẫn còn, hãy gọi bác sĩ.
- Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm : Được biết là chưa xảy ra.
- Lưu ý đối với bác sỹ điều trị : Không đòi hỏi biện pháp đặc biệt gì.

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Các phương tiện chữa cháy phù hợp : Dùng bụi nước, bọt chịu cồn, hóa chất khô hoặc cacbon dioxit.
- Các sản phẩm cháy nguy hại : Cacbon monoxit
Carbon dioxit (CO₂)
Oxit kim loại
- Các phương pháp cứu hỏa cụ thể : Quy trình chuẩn dùng trong cháy nổ hóa chất
Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
- Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành cho lính cứu hỏa : Đeo các dụng cụ thở cá nhân khi chữa cháy nếu cần thiết.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT AKTIPLAST T



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/09/20 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000012131 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

- Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.
Tránh tạo ra bụi.
Tránh hít bụi.
- Các biện pháp phòng ngừa về môi trường : Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm này an toàn.
Nếu sản phẩm làm ô nhiễm sông, hồ hoặc đường dẫn nước, hãy thông báo cho các cơ quan hữu quan.
- Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch. : Giữ trong các bình chứa kín thích hợp để tiêu hủy.

7. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

- Lời khuyên khi bảo vệ khỏi cháy nổ : Cung cấp ống xả thông gió thích hợp tại nơi bụi được tạo thành.
- Các biện pháp phòng ngừa để sử dụng, thao tác an toàn : Tránh tiếp xúc với da và mắt.
Về bảo hộ cá nhân, xem phần 8.
Cấm hút thuốc, ăn uống tại khu vực sử dụng.
Thải loại nước rửa theo các quy định của quốc gia và địa phương.
- Các điều kiện lưu giữ an toàn : Đóng kín bình chứa, đặt tại nơi khô ráo và thông gió tốt.
Việc lắp đặt thiết bị điện / vật liệu đang làm việc phải tuân theo tiêu chuẩn an toàn về công nghệ.
- Thêm thông tin về độ ổn định : Không phân hủy nếu được lưu trữ và ứng dụng như chỉ dẫn.
kho lưu trữ

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO HỘ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
2,6-di-tert-butyl-p-cresol	128-37-0	TWA (Bụi hạt và hơi hít phải vào phổi)	2 mg/m ³	ACGIH

Thiết bị bảo hộ cá nhân

- Bảo vệ hô hấp : Chọn lựa khẩu trang phải dựa trên mức phơi nhiễm đã biết hoặc dự kiến, mối nguy của sản phẩm và giới hạn hoạt động an toàn của khẩu trang đã chọn.
- Bảo vệ tay : Cao su nitrin - NBR
- Vật liệu : < 60 min
- Thời gian đeo :

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT AKTIPLAST T



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/09/20 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000012131 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

- Ghi chú : Cần thảo luận với nhà sản xuất gắng tay bảo hộ về mức độ thích hợp với từng nơi làm việc cụ thể.
- Bảo vệ mắt : Kính bảo hộ vừa khí
- Bảo vệ da và cơ thể : Bộ quần áo bảo hộ không thấm bụi
Chọn đồ bảo hộ theo số lượng và nồng độ các chất nguy hiểm tại nơi làm việc.
- Các biện pháp vệ sinh : Không được ăn hoặc uống khi sử dụng.
Không hút thuốc khi sử dụng.
Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và vào cuối ngày làm việc.

9. ĐẶC TÍNH LÝ HÓA CỦA HÓA CHẤT

- Trạng thái : hạt
- Màu sắc : màu nâu
- Mùi đặc trưng : chưa có dữ liệu
- Ngưỡng mùi : chưa có dữ liệu
- Độ pH : chưa có dữ liệu
- Điểm/khoảng nóng chảy : 75 - 85 °C
- Điểm sôi/khoảng sôi : chưa có dữ liệu
- Điểm chớp cháy : > 200 °C
Phương pháp: cốc kín
- Tỷ lệ hóa hơi : chưa có dữ liệu
- Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí) : chưa có dữ liệu
- Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy : chưa có dữ liệu
- Giới hạn dưới của cháy nổ : chưa có dữ liệu
- Áp suất hóa hơi : chưa có dữ liệu
- Tỷ trọng hơi tương đối : chưa có dữ liệu
- Tỷ trọng tương đối : chưa có dữ liệu
- Mật độ : 1.05 g/cm³ (20 °C)
- Độ hòa tan

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT AKTIPLAST T



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/09/20 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000012131 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

Tính tan trong nước : không tan
Hệ số phân tán: n-octanol/nước : chưa có dữ liệu
Nhiệt độ bốc cháy : chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy : chưa có dữ liệu
Độ nhớt : chưa có dữ liệu
Đặc tính cháy nổ : chưa có dữ liệu
Đặc tính ôxy hóa : chưa có dữ liệu
Trọng lượng phân tử : chưa có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng : Không phản ứng nguy hiểm nào được biết đến trong điều kiện sử dụng thường.
Tính ổn định hóa học : Ổn định trong các điều kiện thông thường.
Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm : Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra. Ổn định trong các điều kiện lưu trữ được đề nghị. Không có mối nguy nào được nhắc đến cụ thể. Bụi có thể tạo hỗn hợp dễ nổ trong không khí.
Các điều kiện cần tránh : chưa có dữ liệu
Các vật liệu xung khắc : Không có thông tin cụ thể gì.
Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm : Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Độc tính cấp

Sản phẩm:

Độc tính cấp qua da : Ước lượng độc tính cấp: 2,507 mg/kg
Phương pháp: Phương pháp tính toán

Thành phần:

Rapeseed oil fatty acids, zinc salt:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): > 5,000 mg/kg

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT AKTIPLAST T



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/09/20 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000012131 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

Độc tính cấp qua da : LD50 (Chuột): > 2,000 mg/kg

2,6-di-tert-butyl-p-cresol:

Độc tính cấp theo đường miệng : LD50 (Chuột): > 2,930 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 401
GLP: có
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính theo đường miệng
Ghi chú: Không có tỷ lệ tử vong ở nồng độ chỉ định

Độc tính cấp qua da : LD50 (Chuột): > 2,000 mg/kg
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 402
GLP: có
Đánh giá: Hỗn hợp hoặc chất này không gây độc cấp tính qua da
Ghi chú: Không có tỷ lệ tử vong ở nồng độ chỉ định

Ăn mòn/kích ứng da

Thành phần:

Rapeseed oil fatty acids, zinc salt:

Loài: Thỏ
Kết quả: Không gây kích ứng da

2,6-di-tert-butyl-p-cresol:

Loài: Thỏ
Kết quả: Không gây kích ứng da

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Thành phần:

Rapeseed oil fatty acids, zinc salt:

Loài: Thỏ
Kết quả: Không gây kích ứng mắt

2,6-di-tert-butyl-p-cresol:

Loài: Thỏ
Kết quả: Không gây kích ứng mắt

Kích thích hô hấp hoặc da

Thành phần:

Rapeseed oil fatty acids, zinc salt:

Đường tiếp xúc: Tiếp xúc với da
Loài: Chuột lang
Kết quả: Không gây mẫn cảm đối với động vật thí nghiệm.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT AKTIPLAST T



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/09/20 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000012131 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

2,6-di-tert-butyl-p-cresol:

Đường tiếp xúc: Tiếp xúc với da
Loài: Con người
Kết quả: Không gây kích ứng da.

Biến đổi tế bào gốc

Thành phần:

2,6-di-tert-butyl-p-cresol:

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm : Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm Ames
Hệ thống thử nghiệm: Vi khuẩn
Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Thí nghiệm biến đổi gen tế bào trên động vật có vú tại phòng thí nghiệm
Hệ thống thử nghiệm: tế bào gan của chuột
Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm nhiễm sắc thể bất thường trong ống nghiệm
Hệ thống thử nghiệm: các tế bào trứng của chuột đồng Trung Quốc
Kết quả: Âm tính

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể : Loại kiểm nghiệm: Xét nghiệm di truyền tế bào
Loài: Chuột (con đực)
Loại tế bào: Tủy xương
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Kết quả: Âm tính

Loại kiểm nghiệm: Kiểm tra vi hạt nhân
Loài: Chuột nhắt (Đực và cái)
Loại tế bào: Tủy xương
Lộ trình ứng dụng: Bơm vào trong màng bụng
Kết quả: Âm tính

Độc tính đối với sinh sản

Thành phần:

2,6-di-tert-butyl-p-cresol:

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu hai thế hệ
Loài: Chuột, Đực và cái
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Khả năng sinh sản: NOAEL: 500 mg/kg trọng lượng cơ thể
GLP: có

Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai : Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu hai thế hệ
Loài: Chuột, Đực và cái
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Tính độc hại đối với người mẹ: NOAEL: 100 mg/kg trọng lượng cơ thể

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT AKTIPLAST T



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/09/20 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000012131 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

Độc tính đối với sự phát triển: NOAEL: 100 mg/kg trọng lượng cơ thể
GLP: có

Lượng độc lặp lại

Thành phần:

2,6-di-tert-butyl-p-cresol:

Loài: Chuột, con đực
NOAEL: 25 mg/kg
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Thời gian phơi nhiễm: 5 - 8 Weeks
Số lần phơi nhiễm: Mỗi ngày
Liều lượng: 25 mg/kg
GLP: có
Triệu chứng: thay đổi trong men gan

Thông tin khác

Sản phẩm:

Ghi chú: chưa có dữ liệu

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

Độc tính sinh thái

Thành phần:

2,6-di-tert-butyl-p-cresol:

Độc đối với cá : LC0 (Danio rerio (cá vằn)): ≥ 0.57 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 96 h
Phương pháp: Quy định (EC) số 440/2008, Phụ lục, C.1
GLP: có

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không xương sống thủy sinh khác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 0.61 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
GLP: có

Độc đối với tảo : ErC50 (Desmodesmus subspicatus (tảo lục)): > 0.4 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h
Phương pháp: Quy định (EC) số 440/2008, Phụ lục, C.3
GLP: có

Nhân tố M (Độc tính cấp tính đối với thủy sinh vật) : 1

Độc tính đối các loài giáp xác và các động vật không : NOEC (Daphnia magna (Bọ nước)): 0.316 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 21 Days

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT AKTIPLAST T



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/09/20 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000012131 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

xương sống thủy sinh khác (Tính độc mãn tính) Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202
GLP: có

Nhân tố M (Độc tính thủy sinh lâu dài) :

1

Độc tính đối với các vi sinh vật : EC50 (Than hoạt tính): > 10,000 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 3 h
GLP: có

Tính bền vững và phân hủy

Thành phần:

2,6-di-tert-butyl-p-cresol:

Tính phân hủy sinh học : Kết quả: Không dễ phân hủy sinh học.
Phân hủy sinh học: 4.5 %
Thời gian phơi nhiễm: 28 d
Phương pháp: OECD Hướng dẫn xét nghiệm 301C

Tiềm năng tích lũy sinh học

Thành phần:

2,6-di-tert-butyl-p-cresol:

Hệ số phân tán: n-octanol/nước : log Pow: 5.1
Phương pháp: được đo

Tính biến đổi trong đất

chưa có dữ liệu

Các ảnh hưởng có hại khác

Sản phẩm:

Các thông tin sinh thái khác : chưa có dữ liệu

13. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

Các biện pháp thải bỏ

Chất thải từ cặn : Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải
Không làm nhiễm bẩn các ao nước, luồng nước hoặc hệ thống mương rãnh bởi các chất hoá học hoặc các thùng chứa đã qua sử dụng
Gửi đến cho một công ty xử lý chất thải có giấy phép

Các bao bì đã nhiễm hoá chất : Loại bỏ các thành phần còn lại.
Loại bỏ như đối với sản phẩm không sử dụng.
Không tái sử dụng các thùng chứa rỗng.

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT AKTIPLAST T



Phiên bản 1.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2018/09/20 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 103000012131 Ngày ban hành cuối cùng: - Nước / Ngôn ngữ: VN / VI

14. THÔNG TIN VỀ VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

IATA-DGR

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Mã IMDG

Chưa được quy định là hàng hóa nguy hiểm

Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Cảnh báo nguy hiểm : Không phải hàng hóa nguy hiểm.
Để tránh xa thực phẩm.

15. QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

Các quy định/luật pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Danh mục các tiền chất và hóa chất độc của Công ước Vũ khí Hóa học Quốc tế (CWC) : Không áp dụng được

Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 : 2,6-di-tert-butyl-p-cresol

16. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ATE = Ước tính độ độc hại cấp tính

BCF = Hệ số nồng độ sinh học

GHS = Hệ thống phân loại và dán nhãn hóa chất hài hòa toàn cầu

ACGIH : Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH

ACGIH / TWA : 8 giờ, trung bình tính theo thời gian

Thông tin cung cấp trong Phiếu Dữ liệu An toàn này là hoàn toàn chính xác theo hiểu biết và thông tin hiện tại chúng tôi có được. Thông tin cung cấp chỉ được thiết kế như hướng dẫn cho việc xử lý, sử dụng, chế biến, lưu trữ, vận chuyển, tiêu hủy và loại bỏ an toàn, và không được coi là các thông số bảo hành hay chất lượng. Thông tin này chỉ liên quan tới vật liệu được chỉ định nhất định và có thể không áp dụng với các vật liệu dùng kết hợp với các vật liệu khác hoặc trong quy trình khác, trừ phi được nêu rõ trong văn bản.